

Số: *04* /2018/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày *02* tháng *02* năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với  
từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển  
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính – Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển,*

*Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng tại Công văn số 472/HĐND-KTNS ngày 22 tháng 01 năm 2018 về việc thông báo ý kiến kết luận của Thường trực HĐND thành phố;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng tại Công văn số 344/STC-CGS ngày 01 tháng 02 năm 2018 về ban hành Quyết định về mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển, khai thác sử dụng tài nguyên biển theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.



- b) Cơ quan quản lý nhà nước, cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.
- c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 2. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển**

Mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, như sau:

1. Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu: 7.500.000 đồng/ha/năm.
2. Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện: 7.500.000 đồng/ha/năm.
3. Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng các công trình nổi, ngầm, đảo nhân tạo, công trình xây dựng dân dụng trên biển, các hoạt động lấn biển: 7.500.000 đồng/ha/năm.
4. Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để làm vùng nước cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí và các cảng, bến khác (gồm: vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch; vùng để xây dựng luồng cảng biển và các công trình phụ trợ khác), vùng nước phục vụ hoạt động cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển, xây dựng cảng cá, bến cá; vùng nước phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí, đón trả khách, khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nước biển làm mát cho các nhà máy, trục vớt hiện vật, khảo cổ: 7.500.000 đồng/ha/năm.
5. Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để đổ thải bùn nạo vét: 7.500.000 đồng/ha/năm.
6. Nhóm 6: Các hoạt động sử dụng khu vực biển khác: 7.500.000 đồng/ha/năm.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển ban hành tại Điều 2 Quyết định này và đề nghị của các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ xin giao khu vực biển, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND thành phố xem xét, ban hành quyết định giao khu vực biển, trong đó ghi cụ thể hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển và số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp tương ứng với từng hình thức đó theo quy định.

2. Phương thức thu và xác định số tiền sử dụng khu vực biển; trình tự, thủ tục thu, nộp tiền sử dụng khu vực biển và chế độ quản lý, sử dụng tiền sử dụng khu vực biển và kinh phí cho nhiệm vụ giao khu vực biển thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015 của Bộ Tài chính – Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu phát sinh vướng mắc thì các Sở, ngành và UBND các quận, huyện kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế thành phố tổng hợp báo cáo UBND thành phố xem xét giải quyết.

#### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2018. Bãi bỏ Quyết định số 6615/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2016.

2. Các trường hợp được UBND thành phố quyết định giao khu vực biển theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015 của Bộ Tài chính – Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày có hiệu lực của Quyết định này nhưng chưa xác định tiền sử dụng khu vực biển thì được áp dụng mức thu tiền sử dụng khu vực biển quy định tại Quyết định này.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Cục Thuế thành phố và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan rà soát lại các trường hợp đang cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê mặt nước theo hình thức trả tiền hàng năm theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước để thực hiện các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển để xử lý chuyển tiếp theo quy định tại Điều 11 Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015 của Bộ Tài chính – Bộ Tài nguyên và Môi trường.

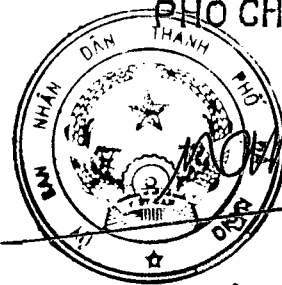
**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch UBND các quận, huyện; thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TV Thành ủy, TT HĐND tp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- CT và các PCT UBND tp;
- Chánh Văn phòng UBND thành phố;
- UBMT TQVN thành phố;
- Sở Tư pháp thành phố;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế thành phố Đà Nẵng;
- Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng;
- Các Sở, ban, ngành thuộc thành phố;
- UBND các quận, huyện;
- Đài PTTH Đà Nẵng; Báo Đà Nẵng;
- Công thông tin điện tử TP Đà Nẵng;
- Lưu: VT, NC, KT, STC. 70

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Miên**